

TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ
VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC NĂM 2023**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/TB-HĐTD-TCHC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO

Về thu lệ phí xét tuyển và công bố danh mục tài liệu tham khảo đối với thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức năm 2023 tại Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng

Căn cứ Luật Viên chức 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1317/QĐ-SXD-TCCB ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023 của Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4040/QĐ-QLNGĐXD-TCHC ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023 của Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng.

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét tuyển viên chức theo quy định tại Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ Nội vụ. Sau khi có kết quả của Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023 của Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng đã tổ chức họp và thông qua kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển (vòng 1) đối với thí sinh đăng ký tuyển dụng viên chức năm 2023 tại Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng.

Hội đồng tuyển dụng viên Thông báo thu lệ phí xét tuyển và công bố danh mục tài liệu tham khảo đối với thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức năm 2023 tại Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng như sau:

I. Thu lệ phí xét tuyển



Thí sinh đủ điều kiện tham gia kiểm tra, sát hạch (vòng 2) (*Phụ lục 01*) thực hiện nộp lệ phí tham gia xét tuyển như sau:

1. Thời gian thu lệ phí xét tuyển: Trong giờ hành chính từ ngày 29 tháng 8 năm 2023 đến hết ngày 30 tháng 8 năm 2023.

2. Địa điểm: Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng, Cao ốc 255 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh: **Phòng Tổ chức – Hành chính**

3. Lệ phí xét tuyển: 400.000đ/thí sinh (Bốn trăm nghìn đồng)¹

- Hình thức thu: Thí sinh nộp trực tiếp, nhờ người thân nộp hoặc thực hiện chuyển khoản theo thông tin sau:

+ Ngân hàng nhận: Ngân hàng TMCP Sài Gòn

+ Tên tài khoản nhận: VO NGOC DUC

+ Số tài khoản: 41733276868

+ Nội dung chuyển khoản: XTVC2023-Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển-Số thứ tự-Họ và tên thí sinh

Lưu ý:

- Thí sinh phải **ghi nội dung chuyển khoản** theo đúng hướng dẫn nêu trên, trong đó:

+ **Vị trí việc làm là vị trí đã đăng ký trong Phiếu đăng ký dự tuyển** ((1) Quản lý và phát triển nhà đất (QLPTNĐ); (2) Quản lý vận hành và Bảo trì công trình (QLVHBTCT))

+ **Số thứ tự là số thứ tự của thí sinh trong phụ lục 01 Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển viên chức năm 2023 tại Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng kèm theo Thông báo này.**

(Ví dụ Bà Lê Thị Cẩm Vân chuyển khoản đóng phí thì nội dung chuyển khoản như sau: XTCV2023-QLPTNĐ-148-LeThiCamVan)

- Trường hợp thí sinh không đến nộp trực tiếp nhưng muốn nhận biên nhận thu tiền thì có thể nhờ người thân đến liên hệ Phòng Tổ chức – Hành chính nhận nhưng đảm bảo phải báo đúng thông tin của thí sinh.

- Sau 17h ngày 30 tháng 8 năm 2023 thí sinh không thực hiện đóng lệ phí thi thì xem như bỏ thi và sẽ không có tên trong lịch kiểm tra, sát hạch vòng 2.

II. Công bố danh mục tài liệu tham khảo

- Hội đồng tuyển dụng công bố danh mục tài liệu tham khảo phục vụ kỳ tuyển dụng viên chức năm 2023 tại Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng: *Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm thông báo này*

¹ Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Nội dung kiểm tra, sát hạch (vòng 2) là những kiến thức nằm trong danh mục tài liệu mà Hội đồng tuyển dụng thông báo.
- Hội đồng tuyển dụng không tổ chức ôn tập.

III. Thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch (vòng 2)

Thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch (vòng 2) Hội đồng tuyển dụng sẽ có Thông báo đến thí sinh sau khi hết thời hạn đóng phí xét tuyển.

Trên đây là Thông báo về thu lệ phí xét tuyển và công bố danh mục tài liệu tham khảo đối với thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức năm 2023 tại Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây. Thông báo này được niêm yết công khai tại trụ sở Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng, cao ốc 255 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải trên trang thông tin điện tử <http://hmcic.vn> của Trung tâm. Nếu thí sinh còn bất kỳ vướng mắc nào vui lòng liên hệ trực tiếp ông Võ Ngọc Đức (số điện thoại 0949.10.02.88) – Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng để được giải đáp./. 

Nơi nhận:

- Thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2;
- BGĐ. TT;
- Các phòng TT;
- Lưu: VT, P.TCHC. ĐV.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
Nguyễn Thanh Hải**





**TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ
VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC NĂM 2023**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 02

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM
2023 TẠI TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG**

*(Đính kèm Thông báo số 05/TB-QLNGĐXD-HĐTD ngày 28 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023)*

A. VỊ TRÍ VIỆC LÀM: QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ, ĐẤT

I. Quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước

1. Luật nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;
2. Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật nhà ở;
3. Nghị định 30/2019/NĐ-CP ngày 28/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
4. Nghị định 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
5. Thông tư 124/2016/TT-BTC ngày 03/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý số tiền thu được từ cho thuê, cho thuê mua, và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; thanh toán tiền chênh lệch khi thuê nhà ở công vụ và quản lý tiền thu được từ cho thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
6. Thông tư 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
7. Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bảng giá cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
8. Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng.

II. Quản lý sử dụng, tài sản công và phát triển nhà, đất

1. Luật đất đai 2013 số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;



2. Luật quản lý sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

3. Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

4. Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

5. Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

6. Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

7. Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 01 năm 2020 về ban hành quy định về bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2024;

8. Quyết định 50/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

9. Quyết định 53/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

10. Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 167/2017/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2017 của chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

III. Xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

1. Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

2. Luật tố cáo 25/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018;

3. Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định Quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo đơn kiến nghị, phản ánh.

B. VỊ TRÍ VIỆC LÀM: QUẢN LÝ VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH

I. Văn bản pháp luật liên quan đến công tác quản lý vận hành và bảo trì chung cư.

1. Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 4 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi:

2. Thông tư số 22/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh do Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016;

3. Thông tư số 28/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 10/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư, Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản, việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản và một số quy định của Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2017;

4. Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý, sử dụng nhà chung cư; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020;

5. Thông tư số 07/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2021.

6. Luật nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014

7. Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật nhà ở

8. Nghị định 30/2019/NĐ-CP ngày 28/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

9. Nghị định 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

10. Thông tư 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

11. Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bảng giá cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;



12. Quyết định 11/2018/QĐ-UBND về việc ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31/3/2018;

13. Thông tư 06/2019/TT-BXD về việc sửa đổi bổ sung một số điều của cả Thông tư, liên quan đến quản lý, sử dụng nhà chung cư; ngày 31/10/2019, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2016

14. Chỉ thị 02/CP-BXD về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung nhà chung cư, ngày 15 tháng 9 năm 2021;

15. Nghị định 06/2021/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng ngày 26/1/2021 thay thế cho Nghị định 46/2015/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình;

16. Thông tư 10/2021/TT-BXD hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.

II. Quản lý sử dụng, tài sản công

1. Luật đất đai 2013 số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

2. Luật quản lý sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

3. Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

4. Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

5. Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

6. Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 01 năm 2020 về ban hành quy định về bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2024;

7. Quyết định 50/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2023
TẠI TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG
(Đính kèm Thông báo số 05/TB-QLNGĐXD-HĐTD ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
Vị trí việc làm: Quản lý và phát triển nhà, đất (46 chỉ tiêu)								
1	Lê Thanh Thúy		04/11/1981	Kinh	Thạc sĩ	Luật Kinh tế		
2	Trần Nhật Hoài	18/02/1975		Kinh	Đại học	xây dựng		
3	Đào Huyền Thanh		13/12/1998	Kinh	Đại học	Quản trị kinh doanh		
4	Trần Thu Nga		30/11/1983	Kinh	Đại học	Luật		
5	Trần Thị Tường Vy		05/02/1994	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế		
6	Phan Nguyễn Công Huân	11/02/1995		Kinh	Đại học	Kinh tế		
7	Nguyễn Thị Huyền		07/12/1997	Kinh	Đại học	Kế toán		

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
8	Đào Lê Phong Lan		12/07/1997	Kinh	Đại học	Luật		
9	Bùi Phạm Trường An	09/01/1995		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
10	Đoàn Ngọc Quý	10/03/1992		Kinh	Đại học	Luật		
11	Huỳnh Tấn Hiền	12/10/1971		Kinh	Đại học	kỹ thuật xây dựng	Quân nhân phục viên được cộng 5 điểm vòng 2	
12	Nguyễn Tuấn	21/01/1980		Kinh	Đại học	Luật Kinh tế		
13	Nguyễn Thị Hồng Hoa		15/04/1982	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế		
14	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		22/05/1999	Kinh	Đại học	Kế toán		
15	Trịnh Nguyễn Như Hùng	13/01/1982		Kinh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		
16	Chu Quốc Tuấn	08/01/1980		Kinh	Đại học	Luật Kinh tế	Quân nhân phục viên được cộng 5 điểm vòng 2	
17	Trần Thị Thúy Hằng		29/11/1976	Kinh	Đại học	Kinh tế (tài chính), Quản trị kinh doanh		
18	Mai Thị Thùy Dương		02/09/1990	Kinh	Đại học	Luật		
19	Đào Hứa Thoại Uyên		19/01/1982	Hoa	Đại học	Hành chính học	dân tộc thiểu số được cộng 5 điểm vòng 2	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
20	Nguyễn Trần Mai Nhi		02/05/1999	Kinh	Đại học	Kế toán		
21	Võ Trung Chánh	28/08/1991		Kinh	Đại học	Quản trị kinh doanh		
22	Đặng Thanh Sang	17/09/1983		Kinh	Đại học	xây dựng dân dụng và công nghiệp		
23	Sầm Nguyễn Thanh Tuyền		05/04/1985	Kinh	Đại học	Quản trị kinh doanh		
24	Trần Hữu Diệp	14/11/2001		Kinh	Đại học	Quản trị kinh doanh		
25	Trần Tú Linh		12/03/2000	Hoa	Đại học	Luật	<i>dân tộc thiểu số được cộng 5 điểm vòng 2</i>	
26	Trần Thị Hiền Hòa		06/10/1983	Kinh	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng		
27	Thái Hoàng Kiệt	14/04/1974		Kinh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	<i>quân nhân phục viên được cộng 5 điểm vòng 2</i>	
28	Nguyễn Thanh Sơn	15/07/1987		Kinh	Thạc sĩ	Quản lý công		
29	Lê Trung Đông	06/02/1980		Kinh	Đại học	xây dựng, Kinh tế		
30	Trần Văn Tân	10/06/1977		Kinh	Đại học	Xây dựng		
31	Nguyễn Minh Phước	12/12/1985		Kinh	Đại học	Luật	<i>hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND được cộng 2,5 điểm vòng 2</i>	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
32	Phạm Trung Hiếu	12/08/1990		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
33	Lương Thị Thu Vàng		12/01/1991	Kinh	Đại học	Kế toán		
34	Phùng Duy Linh	22/02/1995		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai	hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND được cộng 2,5 điểm vòng 2	
35	Huỳnh Tấn Phương	04/05/1978		Kinh	Đại học	Kế toán		
36	Nguyễn Thị Hương		07/12/1999	Kinh	Đại học	Kế toán		
37	Bùi Văn Quê	23/03/1978		Kinh	Đại học	Kiến Trúc sư		
38	Trương Đình Luyện	25/07/1981		Kinh	Đại học	Kỹ thuật công trình	con thương binh được cộng 5 điểm vòng 2	
39	Nguyễn Mai Duy Thương	17/08/2000		Kinh	Đại học	kỹ thuật xây dựng		
40	Đỗ Văn Hiếu	15/01/1989		Kinh	Đại học	Luật		
41	Trần Quốc Khánh	10/02/1986		Kinh	Đại học	Điện - Điện tử		
42	Phạm Thị Ngọc Anh		05/10/1984	Kinh	Đại học	Luật, Xây dựng		
43	Nguyễn Mộng Tuyền		31/07/1999	Kinh	Đại học	Luật		

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
44	Nguyễn Nhật Minh	11/06/1996		Kinh	Đại học	kỹ thuật công trình xây dựng		
45	Nguyễn Thị Ánh Loan		07/06/1994	Kinh	Đại học	Quản trị kinh doanh		
46	Nguyễn Thị Bích Hồng		07/05/1999	Kinh	Đại học	Luật		
47	Đặng Tất Thắng	19/10/1997		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
48	Lưu Văn Thuần	05/02/1990		Kinh	Đại học	xây dựng		
49	Trương Thị Thanh Bình		27/12/1994	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
50	Trần Ngọc Vinh	22/09/1979		Kinh	Đại học	kiến trúc sư		
51	Nguyễn Ngọc Phương Linh		24/10/1994	Kinh	Đại học	Kế toán		
52	Võ Đức Trung	10/10/1982		Kinh	Thạc sĩ	Quản lý Công		
53	Phạm Thị Kiều Oanh		03/03/1982	Kinh	Đại học	Luật		
54	Lê Anh Tuấn	04/10/1986		Kinh	Đại học	Luật		
55	Trương Văn Lãm	02/01/1967		Kinh	Đại học	Kế toán, Luật	con liệt sĩ được cộng 05 điểm vòng 2	
56	Nguyễn Thị Mỹ Hà		24/06/2000	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
57	Hồ Thanh Phú	27/02/1986		Kinh	Thạc sĩ	Kinh tế		
58	Phan Thị Nho		04/09/2000	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
59	Đoàn Đức Thành	15/09/1999		Kinh	Đại học	kỹ thuật xây dựng		
60	Nguyễn Thị Hương Hoa		08/01/2000	Kinh	Đại học	Kinh tế xây dựng		
61	Lê Vũ Hà	18/03/1998		Kinh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng		
62	Lê Hiếu Nghĩa	07/03/1989		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
63	Trần Trung Hiếu	26/08/1990		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
64	Trần Chí Danh	29/11/1985		Kinh	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị được cộng 5 điểm vòng 2	
65	Bùi Chí Trường	13/09/1990		Kinh	Đại học	Luật		
66	Hoàng Thụy Nga My		20/10/1998	Kinh	Đại học	Luật		
67	Phạm Trung Hậu	08/02/2000		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
68	Nguyễn Xuân Hưng	28/08/1978		Kinh	Đại học	Xây dựng Dân dụng Công nghiệp		
69	Dương Ngọc Hiền		14/12/1994	Kinh	Đại học	Luật; Quản trị kinh doanh		

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
70	Nguyễn Thị Thúy Hòa		26/02/1991	Kinh	Đại học	Quản trị kinh doanh		
71	Hồ Sỹ Hiền	25/12/1982		Kinh	Đại học	Khoa học máy tính		
72	Phan Hoàng Long	19/10/2000		Kinh	Đại học	Quản trị kinh doanh		
73	Cao Hữu Thái	18/03/1981		Kinh	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp		
74	Lê Gia Thanh Trị	24/03/2000		Kinh	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng		
75	Đỗ Gia Phú	07/09/1999		Kinh	Đại học	Luật		
76	Trương Đại Hiệp	20/02/1989		Kinh	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng		
77	Lê Minh Trí	24/01/1991		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
78	Nguyễn Thị Kim Chi		26/10/1992	Kinh	Đại học	Kế toán		
79	Nguyễn Hoàng Hưng	05/01/1995		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
80	Nguyễn Minh Huy	10/08/1998		Kinh	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		
81	Dương Hữu Tiến	19/03/1998		Kinh	Đại học	Luật		
82	Nguyễn Anh Vũ	27/11/1990		Kinh	Đại học	Luật		

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
83	Trương Thanh Toàn	25/09/1998		Kinh	Đại học	Luật		
84	Nguyễn Hữu Phú	26/04/1980		Kinh	Đại học	Kế toán	<i>Quân nhân phục viên được cộng 5 điểm vòng 2</i>	
85	Nguyễn Trọng Khang	26/02/1993		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai	<i>Quân nhân phục viên được cộng 5 điểm vòng 2</i>	
86	Nguyễn Thanh Ý Nhi		10/12/1982	Kinh	Đại học	Kinh tế		
87	Cao Trần Kiều Uyên		11/11/1998	Kinh	Đại học	Luật		
88	Đỗ Quốc Tuấn	25/07/1986		Kinh	Đại học	Quản trị kinh doanh		
89	Trần Nguyễn Hạnh Mai		19/05/1982	Kinh	Đại học	Luật, Quản trị kinh doanh		
90	Nguyễn Thị Cẩm Sang		20/12/1996	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
91	Thân Hồ Quang Khải	27/07/2001		Kinh	Đại học	Luật		
92	Lê Nhã Ngọc Kim Thanh		27/10/1997	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
93	Lê Châu Phương Nguyên		11/12/2001	Kinh	Đại học	Luật		
94	Võ Hoàng Nhân	13/01/2000		Kinh	Đại học	Xây dựng		
95	Nguyễn Huy Cường	04/04/1977		Kinh	Đại học	Kinh tế		

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
96	Nguyễn Tấn Lộc	22/03/2000		Kinh	Đại học	Công nghệ Thông tin		
97	Trần Bảo Đạt	30/09/1987		Kinh	Đại học	Luật	<i>dân tộc thiểu số được cộng 5 điểm vòng 2</i>	
98	Trần Minh Trung	25/04/1997		Kinh	Đại học	Luật, cấp thoát nước		
99	Phan Thị Phương Ngân		26/10/1989	Kinh	Đại học	Kế toán		
100	Vũ Thị Thu Phương		03/03/1988	Kinh	Đại học	Kế toán		
101	Nguyễn Thành Tài	09/12/2000		Kinh	Đại học	Luật		
102	Lý Thanh Bình	22/06/1975		Hoa	Đại học	Luật	<i>dân tộc thiểu số được cộng 5 điểm vòng 2</i>	
103	Nguyễn Kim Ngân		14/08/1990	Kinh	Đại học	Luật, Kinh tế, Quản lý		
104	Đỗ Nguyễn Hoàng Thái Sơn	06/04/1983		Hoa	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	<i>dân tộc thiểu số được cộng 5 điểm vòng 2</i>	
105	Phạm Thị Hoa		02/02/1999	Kinh	Đại học	Luật		
106	Phạm Thị Kim Loan		12/01/1997	Kinh	Đại học	Luật		
107	Phan Minh Huân	01/02/1995		Kinh	Đại học	Kỹ sư Xây dựng		
108	Lâm Thị Thu Diễm		18/12/1980	Kinh	Đại học	Kế toán		

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
109	Nguyễn Thị Cẩm Tiên		30/10/1994	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
110	Nguyễn Huyền An		17/10/1993	Kinh	Đại học	Kiến Trúc sư		
111	Nguyễn Văn Hòa	23/10/1987		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
112	Trần Văn Vàng	03/04/1995		Kinh	Đại học	Quản lý nhà nước	Hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND được cộng 2,5 điểm vòng 2	
113	Trịnh Hồng Phúc	15/03/1995		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
114	Ngô Thị Minh Thy		21/10/1997	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
115	Bùi Anh Tuấn	23/08/1976		Kinh	Đại học	Kiến Trúc sư		
116	Nguyễn Thị Hoàng Yến		20/10/1984	Kinh	Đại học	Luật		
117	Đặng Thảo Duyên		22/12/2000	Kinh	Đại học	Kinh tế		
118	Nguyễn Lê Minh Anh		07/01/1996	Kinh	Đại học	Luật		
119	Nguyễn Hà Diễm Quỳnh		12/12/2001	Kinh	Đại học	Luật		
120	Đinh Việt Hoàng	05/02/2000		Kinh	Đại học	Luật		

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
121	Lê Quốc Huy	29/10/2001		Kinh	Đại học	Quản trị kinh doanh		
122	Phạm Cơ Thạch	02/06/1979		Kinh	Đại học	Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp		
123	Võ Minh Tuấn	20/08/1983		Kinh	Đại học	kỹ sư xây dựng		
124	Lê Bảo Sang	28/03/1986		Kinh	Đại học	Kinh tế (tài chính)		
125	Nguyễn Thị Hường		20/07/2000	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế		
126	Châu Tiến Dũng	10/07/1983		Kinh	Đại học	Hành chính học	tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị được cộng 5 điểm vòng 2	
127	Trương Thị Thùy Diễm		01/12/1983	Kinh	Đại học	Kinh tế (Tài chính - tín dụng)		
128	Trần Quốc Dũng	25/11/1977		Kinh	Đại học	Luật	tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị được cộng 5 điểm vòng 2	
129	Trần Sơn Khương Tánh	31/05/1997		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
130	Nguyễn Quốc Thái	04/07/1985		Kinh	Đại học	Xây dựng; Quản lý nhà nước		
131	Bùi Vĩnh Đạt	23/03/1986		Kinh	Đại học	xây dựng		
132	Lê Khả Hoàn	03/04/1995		Kinh	Đại học	Quản lý nhà nước		

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
133	Nguyễn Thị Tuyết Nga		16/04/1988	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
134	Vũ Thị Thùy Dung		27/05/1990	Kinh	Đại học	Luật		
135	Lê Quốc Cường	20/09/1984		Kinh	Đại học	kỹ sư kỹ thuật xây dựng		
136	Đỗ Phạm Trà My		07/01/2001	Kinh	Đại học	Kinh tế (Tài chính - Ngân hàng)		
137	Mai Quốc Tân	02/03/1977		Kinh	Đại học	Kinh tế		
138	Vũ Thị Mai Hương		05/07/1990	Kinh	Đại học	Luật	<i>con thương binh được cộng 5 điểm vòng 2</i>	
139	Nguyễn Khánh Hòa	30/11/1983		Kinh	Đại học	Luật		
140	Nguyễn Thế Ngọc Diệp		09/10/1985	Kinh	Đại học	Luật		
141	Đỗ Tịnh Tâm		17/07/1999	Kinh	Đại học	Luật		
142	Lê Minh Hoàng	20/10/1992		Kinh	Đại học	Luật	<i>sỹ quan CAND phục viên được cộng 05 điểm vòng 2</i>	
143	Nguyễn Tân Tiến	17/11/1999		Kinh	Đại học	Kỹ thuật xây dựng		
144	Huỳnh Thúc Thương	26/10/1988		Kinh	Đại học	kỹ sư Điện		
145	Nguyễn Thị Hồ Thu Uyên		22/09/2001	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
146	Nguyễn Xuân Ngà	24/01/1990		Kinh	Đại học	Kinh tế		
147	Lý Bình Tân	29/12/2000		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
148	Lê Thị Cẩm Vân		13/07/1995	Kinh	Đại học	Luật		
149	Phạm Hoàng Long	06/03/1999		Kinh	Đại học	Quản lý nhà nước		
150	Đặng Nguyễn Hồng Châu		04/03/1999	Kinh	Đại học	Quản lý nhà nước		
151	Huỳnh Công Luận	14/11/1996		Kinh	Đại học	kỹ sư điện	tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị được cộng 5 điểm vòng 2	
152	Nguyễn Hoàng Phúc	01/01/1990		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai	quân nhân phục viên được cộng 5 điểm vòng 2	
153	Trần Phú Sang	21/11/1997		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
154	Trang Sĩ Tuấn	30/11/1997		Kinh	Đại học	Quản lý Nhà nước		
155	Nguyễn Sĩ Thi	14/08/1990		Kinh	Đại học	Kỹ sư xây dựng		
156	Hà Lê Thanh Huyền		11/05/1984	Kinh	Đại học	Kế toán		
157	An Vương	28/09/1987		Kinh	Đại học	Luật	tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị được cộng 5 điểm vòng 2	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
158	Phạm Hoàng Tâm	11/11/1985		Kinh	Đại học	Công nghệ Thông tin		
159	Nguyễn Quốc Vĩnh Phú	15/01/1989		Kinh	Thạc sĩ	địa kỹ thuật xây dựng		
160	Nguyễn Hoài Ân	25/01/1992		Kinh	Đại học	Luật; Quản lý đất đai		
161	Nguyễn Thị Ngọc Diệu		21/03/1985	Kinh	Đại học	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp		
162	Biện Phú Thịnh	09/09/1996		Kinh	Đại học	Luật		
163	Đào Thành Lộc	23/07/1995		Kinh	Đại học	Quản lý nhà nước	<i>quân nhân phục viên được cộng 5 điểm vòng 2</i>	
164	Nguyễn Nhật Hòa	15/06/2000		Kinh	Đại học	Quản lý nhà nước		
165	Dìn Như Thanh Thảo		17/07/1986	Kinh	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng		
166	Lê Thanh Dũng	16/10/1982		Kinh	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng		
167	Huỳnh Nhựt Nam	05/12/1998		Kinh	Đại học	Quản lý nhà nước		
168	Trần Cao Duy	25/06/1999		Kinh	Đại học	Quản trị kinh doanh		
169	Hoàng Thành	08/12/1988		Kinh	Đại học	Kinh tế		
170	Trần Hồ Bình Luận	20/11/1993		Kinh	Đại học	Quản lý nhà nước	<i>sỹ quan CAND phục viên được cộng 05 điểm vòng 2</i>	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
171	Nguyễn Hoàng Tú	02/11/1989		Kinh	Đại học	Hành chính học		
172	Trần Duy Tiến	07/06/1966		Kinh	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp		
173	Lê Ngọc Quỳnh		21/06/1981	Kinh	Đại học	Quản trị kinh doanh		
174	Trần Thiên Phúc	20/03/2000		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
175	Trần Minh Quyền	11/09/1991		Kinh	Thạc sĩ	Luật		
176	Trần Vĩnh Phương	13/04/1994		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
177	Huỳnh Anh Long	12/09/1996		Kinh	Đại học	Luật		
178	Phạm Đào Khôi Nguyên		09/06/1988	Kinh	Đại học	Luật		
179	Ngô Thị Quỳnh Anh		24/01/1985	Kinh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng		
180	Hoàng Vũ Minh Quân	08/02/1999		Kinh	Đại học	Luật		
181	Lý Văn Tình	06/10/1982		Kinh	Đại học	Luật		
182	Lê Văn Đông	07/07/1990		Kinh	Đại học	Kiến trúc		
183	Nguyễn Thanh Tùng	27/12/1977		Kinh	Đại học	Luật, Quản lý đất đai	sỹ quan CAND phục viên được cộng 05 điểm vòng 2	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
184	Huỳnh Ngọc Chân		18/07/1986	Kinh	Đại học	Luật		
185	Lý Hoàng Thiên Kim		23/04/2001	Kinh	Đại học	Luật		

Vị trí việc làm: Quản lý vận hành và Bảo trì công trình (06 chỉ tiêu)

1	Võ Thị Ngọc Tài		23/04/1990	Kinh	Đại học	Luật		
2	Võ Phạm Thanh	31/03/1988		Kinh	Đại học	Quản lý đất đai		
3	Đoàn Quốc Phong	12/09/1979		Kinh	Đại học	Luật		
4	Lê Thành Trung	01/01/1985		Kinh	Đại học	Luật Kinh tế		
5	Phạm Thanh Nha	24/06/1981		Kinh	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		
6	Hồ Trần Minh Sang	10/11/1986		Kinh	Đại học	kỹ thuật công trình xây dựng		
7	Lâm Võ Phúc Nguyên	22/11/1999		Kinh	Đại học	kỹ thuật công trình xây dựng		
8	Trần Thiện Nguyễn Huy	26/08/1987		Kinh	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp		
9	Lê Anh Tuấn	03/05/1998		Kinh	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp		
10	Nguyễn Thiên Phúc	11/10/2000		Kinh	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng		

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ					
11	Huỳnh Hoàng Hận	24/03/1991		Kinh	Đại học	Luật, Ngôn ngữ Anh		
12	Lê Ngọc Khanh	19/03/1994		Kinh	Đại học	Xây dựng cầu đường		
13	Nguyễn Thành Thống	07/05/1991		Kinh	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp		
14	Nguyễn Ngọc Trí	22/08/1977		Kinh	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp		

TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG

